

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 7 năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ CÁC QUYẾT ĐỊNH:
QUYẾT ĐỊNH SỐ 05/2021/QĐ-UBND NGÀY 07/4/2021 CỦA UBND TỈNH BẮC KẠN; QUYẾT ĐỊNH SỐ 41/2021/QĐ-UBND NGÀY
31/08/2021 CỦA UBND TỈNH THÁI NGUYÊN; QUYẾT ĐỊNH SỐ 15/2022/QĐ-UBND NGÀY 15/4/2022 CỦA UBND TỈNH BẮC KẠN;
QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2025/QĐ-UBND NGÀY 05/6/2025 CỦA UBND TỈNH THÁI NGUYÊN; QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2026/QĐ-UBND
NGÀY 04/5/2026 CỦA UBND TỈNH THÁI NGUYÊN.**

(Ban hành kèm theo Văn bản số/SXD-QLCHĐXD ngày 27/7/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên)

STT	Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 31/08/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.	Dự thảo Quyết định quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Thuyết minh
1	Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND - Điều 1: Quy định trực tiếp về quy mô công trình theo từng khu vực làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND - Điều 1: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - Điều 1: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 52, khoản 7 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ gồm các nội dung sau: 1. Quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng mới và công trình đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo; thời hạn tồn tại của công trình để làm	Kế thừa: Kế thừa phạm vi điều chỉnh về quy mô, thời hạn tồn tại của công trình cấp giấy phép xây dựng có thời hạn tại Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND, Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND và phạm vi quản lý trật tự xây dựng tại Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, bổ sung, thay thế: Hợp nhất các nội dung còn cần thiết của 05 Quyết định vào một văn bản áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành

	1. Quy định thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng. 2. Quy định thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý kiến trúc. Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - Điều 1: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định về quản lý trật tự xây dựng; phân công, phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo thời điểm khởi công xây dựng hoặc thông báo thời điểm khởi công xây dựng kèm hồ sơ thiết kế xây dựng công trình; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn. 2. Các quy định về quản lý trật tự xây dựng: a) Phân cấp quản lý trật tự xây dựng cho UBND cấp xã; b) Phân cấp tiếp nhận thông báo khởi công theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Xây dựng năm 2025; c) Theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm trật tự xây dựng	chính; đồng thời giới hạn phạm vi đúng các nội dung được giao quy định chi tiết tại khoản 5 Điều 52 và khoản 7 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP. Không tiếp tục quy định về thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, quy chế quản lý kiến trúc và các nội dung đã được Luật, Nghị định quy định trực tiếp hoặc không còn thuộc phạm vi của văn bản này. Phân quyền, phân cấp và thủ tục hành chính: Xác lập ngay trong phạm vi điều chỉnh nội dung phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công cho UBND cấp xã. Quy định không thiết lập thủ tục hành chính mới, không bổ sung thành phần hồ sơ ngoài quy định của pháp luật. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Phạm vi điều chỉnh tạo cơ sở cho tiếp nhận thông báo khởi công trực tuyến và quản lý dữ liệu điện tử tại các điều sau. Không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc; các quy định áp dụng bình đẳng đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân.
2	Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND - Điều 2: Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với các cơ quan cấp giấy phép xây dựng; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ đầu tư xây dựng công trình; các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường (viết tắt là UBND cấp xã), cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã; chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, chủ	Kế thừa: Kế thừa nhóm đối tượng là cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan cấp phép, chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan đã được quy định tại Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND, Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND và Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND.

	Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - Điều 2: Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài là chủ đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, di dời công trình; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - Điều 2: Điều 2. Đối tượng áp dụng Sở Xây dựng; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên; các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường (<i>sau đây gọi tắt là UBND cấp xã</i>); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và quản lý trật tự xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên.	Sửa đổi, bổ sung: Bổ sung, chuẩn hóa các chủ thể phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và phạm vi điều chỉnh mới, gồm UBND cấp xã, cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã, nhà đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình, các nhà thầu trong nước và nước ngoài. Phân quyền, thủ tục hành chính: Việc xác định đầy đủ chủ thể nhằm làm rõ trách nhiệm khi thực hiện phân cấp; không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ hoặc thủ tục hành chính ngoài Luật Xây dựng và các nghị định hướng dẫn. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Không quy định riêng về khoa học, công nghệ tại Điều này. Quy định sử dụng tiêu chí chức năng, trách nhiệm pháp lý, không phân biệt giới tính, dân tộc, quốc tịch.
3	Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - Điều 3: Điều 3. Quy định chung trong công tác quản lý trật tự xây dựng 1. Các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh (<i>trừ các công trình thuộc bí mật nhà nước theo quy định</i>) phải được kiểm tra, giám sát thường xuyên từ khi tiếp nhận thông báo khởi công hoặc khởi công xây dựng công trình cho đến khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Các hành vi vi phạm trật tự xây dựng phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục. 2. Mọi thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng phải được tiếp nhận, kiểm tra, xử lý kịp thời và thông báo kết quả xử lý theo quy định của pháp luật.	Điều 3. Nguyên tắc áp dụng và quản lý 1. Việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn chỉ được thực hiện đối với công trình đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ và pháp luật có liên quan. 2. Quy định về quy mô, chiều cao và thời hạn tồn tại của công trình tại Quy định này là căn cứ để cơ quan	Kế thừa: Kế thừa các nguyên tắc kiểm tra thường xuyên, phát hiện và xử lý kịp thời; tiếp nhận thông tin phản ánh; phối hợp đúng chức năng, không chồng chéo, không đùn đẩy trách nhiệm tại Điều 3 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, bổ sung: Bổ sung nguyên tắc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện của Luật Xây dựng năm 2025 và Nghị định số 217/2026/NĐ-CP; xác định rõ quy mô, chiều cao, thời hạn tồn tại là căn cứ xem xét cấp phép; mở rộng thời gian quản lý trật tự xây dựng đến

	3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp phải chặt chẽ, đồng bộ, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, bảo đảm không chồng chéo, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm.	có thẩm quyền xem xét thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn. 3. Việc quản lý trật tự xây dựng được thực hiện từ khi tiếp nhận thông báo khởi công, khởi công xây dựng công trình đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật. 4. Việc quản lý trật tự xây dựng phải phù hợp với từng đối tượng công trình có yêu cầu cấp giấy phép xây dựng và công trình không yêu cầu cấp giấy phép xây dựng. 5. Việc phân cấp, phối hợp quản lý trật tự xây dựng phải bảo đảm rõ cơ quan thực hiện, cơ quan phối hợp, đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; không chồng chéo, không làm phát sinh thủ tục hành chính.	khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đưa vào khai thác, sử dụng; phân biệt công trình có yêu cầu và không yêu cầu giấy phép xây dựng. Phân cấp, đơn giản hóa: Đề cao nguyên tắc một việc có cơ quan thực hiện và cơ quan phối hợp rõ ràng; yêu cầu không làm phát sinh thủ tục hành chính, qua đó hạn chế kiểm tra trùng lặp và yêu cầu hồ sơ không cần thiết. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Không phát sinh nội dung riêng về khoa học, công nghệ, bình đẳng giới hoặc chính sách dân tộc; nguyên tắc áp dụng thống nhất, khách quan.
4	<i>Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND - khoản 1, khoản 2 Điều 1:</i> 1. Khu vực trong đô thị: Công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn với quy mô tối đa không quá 02 tầng, diện tích không quá 200 m², không xây dựng tầng hầm, tầng nửa hầm và chiều cao công trình không quá 9m. 2. Khu vực ngoài đô thị: Công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn với quy mô tối đa không quá 01 tầng, diện tích không quá 100 m², không xây dựng tầng hầm, tầng nửa hầm, chiều cao công trình không quá 8m.	Điều 4. Quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng 1. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ: Số tầng cao $\leq$ 02 tầng, chiều cao công trình $\leq$ 9m, tổng diện tích sàn xây dựng $\leq$ 250m, không xây dựng tầng hầm, tầng bán hầm. 2. Đối với công trình không phải nhà ở riêng lẻ: Công trình Cấp IV, số tầng cao 01 tầng, chiều cao công trình $\leq$ 6m, tổng diện tích sàn xây dựng $<$ 1.000m², không xây dựng tầng hầm, tầng bán hầm.	Kế thừa: Kế thừa giới hạn nhà ở riêng lẻ không quá 02 tầng, không có tầng hầm và chiều cao không quá 9 m của Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND; kế thừa việc quy định riêng đối với nhà ở riêng lẻ và công trình khác của Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND. Sửa đổi, bổ sung: Thống nhất tiêu chí áp dụng trên toàn tỉnh: nhà ở riêng lẻ tối đa 02 tầng, cao không quá 9 m, tổng diện tích sàn không quá 250 m²; công trình không phải nhà ở riêng lẻ chỉ thuộc cấp IV, 01 tầng, cao không quá 6 m, tổng diện tích sàn dưới 1.000 m² và không có tầng hầm, tầng

	Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND - Điều 3: Điều 3. Quy định về quy mô công trình cấp phép có thời hạn Công trình xây dựng đáp ứng các điều kiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo quy định tại Điều 94 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi tại khoản 33 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 phải phù hợp với quy mô công trình như sau: 1. Nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn tối đa 500m² và có chiều cao tối đa 12m. 2. Công trình xây dựng khác có quy mô cấp III, cấp IV.	3. Đối với các công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình hạ tầng kỹ thuật: Quy mô, chiều cao công trình theo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành. 4. Đối với công trình, nhà ở hiện trạng thì được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn để sửa chữa, cải tạo và phải đáp ứng các điều kiện: Không được cải tạo, nâng cấp hoặc mở rộng lớn hơn quy mô hiện trạng; không thay đổi công năng sử dụng theo hướng làm phát sinh yêu cầu cao hơn về hạ tầng kỹ thuật, giao thông, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch; Bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn sử dụng, an toàn đối với công trình lân cận và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.	bán hầm. Nội dung này thay thế đồng thời mức 200 m²/100 m² của Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND và mức 500 m², cao 12 m, công trình cấp III, cấp IV của Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND. Bổ sung cách xử lý đối với công trình quảng cáo, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, hạ tầng kỹ thuật và công trình hiện trạng đề nghị sửa chữa, cải tạo. Thủ tục hành chính: Tiêu chí định lượng rõ ràng giúp giảm cách hiểu khác nhau khi thụ lý hồ sơ; không bổ sung giấy tờ, thủ tục hoặc khâu xin ý kiến ngoài trường hợp pháp luật chuyên ngành yêu cầu. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Nội dung mang tính kỹ thuật công trình, không phát sinh chính sách riêng về chuyển đổi số, giới hoặc dân tộc; được áp dụng thống nhất theo loại và quy mô công trình.
5	Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND - khoản 3 Điều 1: 3. Thời hạn tồn tại của công trình. a) Thời hạn tồn tại của công trình theo kế hoạch thực hiện quy hoạch. b) Đối với các khu vực chưa có kế hoạch thực hiện theo quy hoạch, cơ quan quản lý quy hoạch theo phân cấp phải xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, công bố công khai rộng rãi để cá nhân, tổ chức được biết để làm cơ sở cấp phép xây dựng công trình. c) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm xác định cụ thể thời hạn tồn tại của công trình trong Giấy phép xây dựng có thời hạn được cấp.	Điều 5. Thời hạn tồn tại của công trình 1. Thời hạn tồn tại của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn phải được ghi cụ thể trong giấy phép xây dựng. 2. Trường hợp khu vực có công trình được đề nghị cấp phép xây dựng có thời hạn đã xác định được thời điểm thực hiện quy hoạch, triển khai dự án hoặc thời điểm dự kiến thu hồi đất thì thời hạn tồn tại của công trình	Kế thừa: Kế thừa nguyên tắc thời hạn tồn tại phải được ghi cụ thể trong giấy phép và gắn với kế hoạch thực hiện quy hoạch theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND, Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND. Sửa đổi, bổ sung, thay thế: Bỏ giới hạn cứng không quá 03 năm tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND. Thay bằng phương pháp xác định theo thời điểm thực hiện quy hoạch, triển khai dự án, dự kiến thu hồi đất; nếu chưa xác định được thì không vượt quá thời hạn của quy

	Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND - Điều 4: Điều 4. Thời hạn tồn tại của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn 1. Thời hạn tồn tại của công trình được ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. 2. Đối với quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng chưa có kế hoạch thực hiện, thời gian được phép tồn tại của công trình được cấp phép xây dựng có thời hạn không quá 03 năm. 3. Khi hết thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 99 Luật Xây dựng năm 2014; điểm d khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 94 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.	không vượt quá các thời điểm đã được xác định nêu trên. 2. Trường hợp khu vực có công trình được đề nghị cấp phép xây dựng có thời hạn chưa xác định được cụ thể thời điểm thực hiện quy hoạch, thực hiện dự án hoặc thời điểm thu hồi đất thì thời hạn tồn tại của công trình được xác định không vượt quá thời hạn của quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.	hoạch đã được phê duyệt. Cách quy định này bảo đảm phù hợp tình trạng pháp lý, tiến độ thực tế của từng khu vực và thống nhất sau sáp nhập. Đơn giản hóa thủ tục: Không tạo thủ tục mới; việc xác định thời hạn được thực hiện trong quá trình giải quyết hồ sơ cấp phép. Bỏ mốc thời gian cứng giúp hạn chế phát sinh việc gia hạn chỉ do hết thời hạn 03 năm trong khi quy hoạch chưa được triển khai. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Không phát sinh nội dung riêng về khoa học, công nghệ, giới hoặc dân tộc.
6	Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND - Điều 2: Điều 2. Quy định Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND - Điều 5 (trước khi được sửa đổi): Điều 5. Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng UBND tỉnh Thái Nguyên phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng như sau:	Điều 6. Thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn 1. Trình tự, nội dung xem xét cấp, điều chỉnh, cấp lại, gia hạn giấy phép xây dựng có thời hạn thực hiện theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP. 2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định về điều kiện, thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, quy hoạch, quy chế quản lý kiến	Kế thừa: Kế thừa trách nhiệm cơ quan cấp phép phải căn cứ điều kiện, quy hoạch và quy định pháp luật liên quan khi xem xét cấp giấy phép xây dựng có thời hạn. Thay thế, bãi bỏ: Không kế thừa các quy định phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại Điều 5 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND (được sửa đổi bởi Điều 1 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND) và Điều 3 Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND, do thẩm quyền, trình tự, hồ sơ đã được Luật Xây dựng năm 2025

1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trừ các công trình quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II tại các khu công nghiệp của tỉnh. 3. Trường hợp dự án gồm nhiều công trình có cấp khác nhau thì thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng cho các công trình thuộc dự án được xác định theo công trình có cấp cao nhất. 4. Trong quá trình thi công xây dựng nếu có thay đổi thiết kế xây dựng làm thay đổi cấp công trình dẫn đến thay đổi về thẩm quyền cấp phép xây dựng thì cơ quan đã cấp giấy phép xây dựng thực hiện việc điều chỉnh giấy phép xây dựng sau khi phối hợp kiểm tra, gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước mà theo cấp công trình đề nghị điều chỉnh thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cơ quan đó theo quy định tại Điều 103 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14. Cơ quan quản lý nhà nước được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014. Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND - khoản 1 Điều 1: 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau: “Điều 5. Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng UBND tỉnh Thái Nguyên phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh như sau: 1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình, công trình nhà ở riêng lẻ cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có	trúc, thiết kế đô thị, quy định pháp luật chuyên ngành và các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5 của quy định này để thực hiện việc cấp phép xây dựng có thời hạn.	và Nghị định số 217/2026/NĐ-CP quy định. Dự thảo chỉ dẫn chiếu Điều 54 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và quy định rõ căn cứ áp dụng Điều 4, Điều 5 của Quy định này. Phân quyền, thủ tục hành chính: Không đặt ra phân cấp thẩm quyền cấp phép mới ở cấp tỉnh và không lập lại thành phần hồ sơ, trình tự xử lý đã có ở văn bản cấp trên; qua đó giảm trùng lặp pháp luật và tránh phát sinh thủ tục địa phương. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Việc thực hiện hồ sơ điện tử, dịch vụ công được áp dụng theo quy định chung; Điều này không đặt ra chính sách riêng về giới hoặc dân tộc.
--	---	---

công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên trừ các công trình quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV trong các khu công nghiệp. 3. Đối với dự án có nhiều công trình với loại và cấp công trình khác nhau thì thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng được xác định theo công trình có cấp cao nhất của dự án. 4. Trong quá trình thi công xây dựng nếu có thay đổi thiết kế xây dựng làm thay đổi cấp công trình dẫn đến thay đổi về thẩm quyền cấp phép xây dựng thì cơ quan đã cấp giấy phép xây dựng thực hiện việc điều chỉnh giấy phép xây dựng sau khi phối hợp kiểm tra, gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước mà theo cấp công trình đề nghị điều chỉnh thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cơ quan đó theo quy định tại Điều 103 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14. Cơ quan quản lý nhà nước được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.” <i>Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - Điều 3:</i> Điều 3. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng 1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ công trình quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.		
--	--	--

	2. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Kạn cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc phạm vi Khu công nghiệp được giao quản lý (trừ nhà ở riêng lẻ). 3. UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý. 4. Xác định thẩm quyền trong các trường hợp đặc biệt. a) Trường hợp dự án có nhiều loại công trình và có cấp khác nhau thì thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng cho các công trình thuộc dự án được xác định theo công trình có cấp cao nhất. b) Đối với các trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng hoặc cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo làm thay đổi quy mô công trình, thay đổi cấp công trình dẫn đến thay đổi về thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng thì thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng được xác định theo quy mô công trình mới. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, góp ý (nếu có) trong quá trình thực hiện cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép xây dựng.		
7	<u>Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - Điều 4:</u> Điều 4. Nội dung quản lý trật tự xây dựng Nội dung về quản lý trật tự xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ, cụ thể như sau: 1. Đối với công trình được cấp giấy phép xây dựng: Việc quản lý trật tự xây dựng theo các nội dung của giấy phép xây dựng đã được cấp và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng: Kiểm tra sự đáp ứng các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng miễn giấy	Điều 7. Nội dung quản lý trật tự xây dựng 1. Kiểm tra việc đáp ứng điều kiện khởi công theo Điều 48 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15. 2. Đối với công trình có giấy phép xây dựng, quản lý việc xây dựng theo nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp và quy định của pháp luật có liên quan. 3. Đối với công trình không yêu cầu cấp giấy phép xây dựng:	Kế thừa: Kế thừa toàn bộ cấu trúc quản lý đối với công trình có giấy phép và công trình không yêu cầu giấy phép xây dựng tại Điều 4 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, bổ sung: Cập nhật căn cứ pháp lý từ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP sang Điều 47 Luật Xây dựng năm 2025 và Điều 67 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP; bổ sung kiểm tra điều kiện khởi công theo Điều 48 Luật Xây dựng năm 2025; chuẩn hóa thuật ngữ “công trình không yêu cầu cấp giấy phép xây dựng” và nội dung kiểm

	phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; sự tuân thủ của việc xây dựng với quy hoạch được sử dụng làm cơ sở lập dự án và quy định của pháp luật có liên quan; kiểm tra sự phù hợp của việc xây dựng với các nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế đã được thẩm định đối với trường hợp thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.	a) Kiểm tra việc đáp ứng điều kiện không phải có giấy phép xây dựng theo khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; b) Kiểm tra sự tuân thủ của việc xây dựng với quy hoạch được sử dụng làm cơ sở lập dự án; c) Kiểm tra sự phù hợp của việc xây dựng với các nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế xây dựng tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định đối với trường hợp pháp luật quy định phải thẩm định. 4. Nội dung quản lý trật tự xây dựng thực hiện theo Điều 47 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Điều 67 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.	tra thiết kế tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định. Thủ tục hành chính: Không tạo thêm thủ tục kiểm tra hoặc yêu cầu hồ sơ mới; nội dung kiểm tra giới hạn trong phạm vi Luật, Nghị định quy định. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Không phát sinh chính sách đặc thù về khoa học, công nghệ, giới hoặc dân tộc.
8	Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - Điều 5: Điều 5. Phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh 1. Sở Xây dựng a) Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên (trừ công trình bí mật nhà nước); b) Tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng các công trình xây dựng tại điểm a khoản 1 Điều này theo quy định tại khoản 38 và điểm e khoản 39 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, cụ thể như sau:	Điều 8. Phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng 1. UBND cấp xã chịu trách nhiệm quản lý toàn diện về quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình thuộc phạm vi địa bàn hành chính quản lý. 2. Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng bằng văn bản (trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính) hoặc trực tuyến theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Luật số 135/2025/QH15 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ.	Kế thừa: Kế thừa việc phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công tại Điều 5, Điều 6 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, phân quyền, phân cấp: Thay mô hình phân tán theo từng loại công trình giữa Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và UBND cấp xã bằng việc phân cấp cho UBND cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trong phạm vi địa bàn hành chính. Việc phân cấp phù hợp khoản 7, khoản 8 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời bảo đảm cơ

Các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ trong đô thị theo địa giới đô thị xác định tại quy hoạch đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị); dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông. Trường hợp công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15: Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng theo quy định kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng và các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp giấy phép xây dựng. 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường a) Tiếp nhận thông báo khởi công đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn. b) Trường hợp công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15: Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng theo quy định kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng và các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp giấy phép xây dựng. 3. Sở Công Thương a) Tiếp nhận thông báo khởi công đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý). b) Trường hợp công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại quy định tại điểm e khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15: Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng theo quy định		quan cấp tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp thực hiện vai trò hướng dẫn, phối hợp, cung cấp thông tin theo các điều tiếp theo. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: Thiết lập một đầu mối tiếp nhận tại địa bàn, cho phép gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. Thông báo khởi công là nghĩa vụ theo luật, không phải thủ tục xin chấp thuận; dự thảo không bổ sung hồ sơ, thời hạn hoặc kết quả giải quyết mới. Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Quy định phương thức trực tuyến tạo cơ sở số hóa tiếp nhận, quản lý thông tin khởi công và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng. Không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc; người dân, tổ chức được lựa chọn phương thức gửi phù hợp điều kiện tiếp cận.
--	--	---

kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng và các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp giấy phép xây dựng. 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên a) Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình: Công trình xây dựng do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng; công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quản lý. b) Tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng tất cả các công trình xây dựng tại khoản 38 và điểm e khoản 39 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. Trường hợp công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15: Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng theo quy định kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng và các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp giấy phép xây dựng. <i>Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - Điều 6:</i> Điều 6. Phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng cho UBND cấp xã 1. Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa giới hành chính do mình quản lý (trừ công trình bí mật nhà nước và công trình quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5). 2. Tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đối với các công trình được phân cấp quản lý trật tự xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều này.		
--	--	--

	Trường hợp công trình xây dựng thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15: Tiếp nhận thông báo khởi công theo quy định kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng và các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp giấy phép xây dựng.		
9	Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - Điều 3: Điều 3. Quy định chung trong công tác quản lý trật tự xây dựng 1. Các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình thuộc bí mật nhà nước theo quy định) phải được kiểm tra, giám sát thường xuyên từ khi tiếp nhận thông báo khởi công hoặc khởi công xây dựng công trình cho đến khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Các hành vi vi phạm trật tự xây dựng phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục. 2. Mọi thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng phải được tiếp nhận, kiểm tra, xử lý kịp thời và thông báo kết quả xử lý theo quy định của pháp luật. 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp phải chặt chẽ, đồng bộ, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, bảo đảm không chồng chéo, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm.	Điều 9. Trình tự kiểm tra trật tự xây dựng 1. Việc kiểm tra trật tự xây dựng được thực hiện theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất hoặc khi tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 2. Cơ quan chủ trì kiểm tra xác định nội dung kiểm tra phù hợp với Điều 10 Quy định này và tính chất của công trình; chỉ yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật phục vụ nội dung kiểm tra. 3. Việc kiểm tra trật tự xây dựng phải được lập biên bản theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm thì cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm lập hồ sơ, áp dụng biện pháp ngăn chặn, xử lý hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. 4. Trường hợp phát hiện vi phạm, cơ quan kiểm tra thực hiện biện pháp ngăn chặn, yêu cầu dừng thi công, lập hồ sơ và xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định.	Kế thừa: Kế thừa nguyên tắc kiểm tra thường xuyên, tiếp nhận phản ánh, xử lý kịp thời và lập hồ sơ vi phạm được thể hiện tại Điều 3 và Điều 7 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Bổ sung: Đây là điều khoản mới, hệ thống hóa trình tự kiểm tra gồm: căn cứ kiểm tra; xác định nội dung; giới hạn hồ sơ, tài liệu được yêu cầu; lập biên bản; áp dụng biện pháp ngăn chặn, xử lý hoặc chuyển hồ sơ đúng thẩm quyền. Quy định khắc phục tình trạng các bước kiểm tra trước đây nằm rải rác trong trách nhiệm của từng cơ quan. Đơn giản hóa, kiểm soát thủ tục: Quy định rõ cơ quan kiểm tra chỉ yêu cầu tài liệu cần thiết theo pháp luật, hạn chế kiểm tra trùng lặp, yêu cầu hồ sơ vượt phạm vi và giảm chi phí tuân thủ cho chủ đầu tư, nhà thầu. Không thiết lập thủ tục hành chính mới. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Có thể sử dụng thông tin, phản ánh và hồ sơ điện tử theo quy định chung; không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc.

10	<i>Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - các nội dung liên quan tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 7:</i> 4. UBND cấp xã d) Tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn; đ) Giám sát việc ngừng thi công, áp dụng các biện pháp cần thiết buộc dừng thi công theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; e) Thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật; g) Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định trong trường hợp vượt thẩm quyền; chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật; h) Kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng, quyết định cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính của cấp thẩm quyền đối với công trình xây dựng trên địa bàn; i) Báo cáo Sở Xây dựng để kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã; k) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng trên địa bàn do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành; 5. Chủ đầu tư	Điều 10. Xử lý vi phạm trật tự xây dựng 1. Hành vi vi phạm trật tự xây dựng được phát hiện phải được xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng hành vi, đối tượng và trình tự, thủ tục theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan. 2. Cơ quan phát hiện vi phạm có trách nhiệm lập hồ sơ, thực hiện biện pháp thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền thì chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử lý theo quy định. 3. Việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền và quy định của pháp luật. 4. Quy định này không quy định thêm hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả hoặc thẩm quyền xử phạt ngoài quy định của pháp luật.	Kế thừa: Kế thừa trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn, dừng thi công, xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền; trách nhiệm chấp hành quyết định xử lý của chủ đầu tư, nhà thầu tại Điều 7 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Bổ sung, hoàn thiện: Tách thành điều riêng để xác lập nguyên tắc xử lý vi phạm thống nhất: đúng thẩm quyền, hành vi, đối tượng, trình tự, thủ tục; quy định trách nhiệm lập và chuyển hồ sơ; dẫn chiếu việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế. Bổ sung khoản khẳng định văn bản địa phương không quy định thêm hành vi, mức phạt, biện pháp khắc phục hoặc thẩm quyền xử phạt ngoài pháp luật cấp trên, nhằm bảo đảm tính hợp pháp và tránh vượt thẩm quyền. Thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới; chỉ chuẩn hóa hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước và trình tự xử lý vi phạm hành chính theo quy định hiện hành. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Không phát sinh nội dung riêng; việc xử lý được thực hiện khách quan, không phân biệt giới, dân tộc hoặc loại hình tổ chức.
----	---	---	---

	d) Dừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, chấp hành các yêu cầu trong biên bản vi phạm hành chính hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chấp hành các quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền; chịu toàn bộ chi phí tổ chức cưỡng chế trong trường hợp bị cưỡng chế thi hành. 6. Nhà thầu thi công a) Dừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng khi đã bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc khi có thông báo, quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác có liên quan đến công trình xây dựng.		
11	<i>Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND - Điều 2:</i> Điều 2. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh. <i>Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND - Điều 6:</i> Điều 6. Tổ chức thực hiện 1. Giao Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên và các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. 2. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.	Điều 11. Trách nhiệm của Sở Xây dựng 1. Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh. 2. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này. 4. Chủ trì kiểm tra trật tự xây dựng đối với các công trình, vụ việc được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. 5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý trật tự xây dựng, tiếp nhận thông báo khởi công đã phân cấp cho UBND cấp xã, phường.	Kế thừa: Kế thừa vai trò hướng dẫn, kiểm tra của Sở Xây dựng tại Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND, Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND, Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND và vai trò đầu mối tham mưu, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra trách nhiệm, kiến nghị xử lý trách nhiệm tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, phân công lại: Điều chỉnh từ mô hình Sở Xây dựng trực tiếp quản lý một nhóm công trình sang vai trò cơ quan đầu mối tham mưu cấp tỉnh, hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân cấp và chủ trì kiểm tra các công trình, vụ việc do UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND tỉnh giao. Nội dung về cấp giấy phép xây

<i>Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - khoản 1 Điều 5:</i> Điều 5. Trách nhiệm của các sở 1. Sở Xây dựng: a) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến cấp giấy phép xây dựng. Chủ trì thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến cấp giấy phép xây dựng theo quy định. b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc lập, thẩm định Quy chế quản lý kiến trúc đối với các đô thị, Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn tại khu vực di tích quốc gia đặc biệt; thẩm định Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trừ khu vực di tích quốc gia đặc biệt. c) Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định này. d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ 01 năm (trước ngày 21/12 của năm báo cáo) và đột xuất với UBND tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh. Báo cáo có các nội dung chủ yếu về: Tình hình thực hiện; kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; phương hướng, nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị. <i>Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - khoản 1 Điều 7:</i> 1. Sở Xây dựng a) Tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định tại khoản 8 Điều 121 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, khoản 8 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ được phân công trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh. b) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo chung công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; theo	6. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng của UBND cấp xã theo phân cấp, các cơ quan, đơn vị theo phân công trách nhiệm; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với trường hợp chậm phát hiện, chậm xử lý hoặc để vi phạm kéo dài. 7. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng nhưng không được kiểm tra, xử lý theo quy định. 8. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành và theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Bộ Xây dựng. 9. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định này khi cần thiết.	dụng và quy chế quản lý kiến trúc không tiếp tục quy định tại Điều này. Phân cấp, đơn giản hóa: Bảo đảm nguyên tắc phân cấp cho cấp xã đi đôi với hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và xử lý trách nhiệm; hạn chế chồng chéo kiểm tra giữa Sở và cấp xã. Không làm phát sinh thủ tục hoặc nghĩa vụ hồ sơ của tổ chức, cá nhân. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Sở Xây dựng thực hiện tổng hợp, theo dõi thông tin bằng phương thức điện tử theo quy định chung. Không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc.
---	---	--

đổi tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh những biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời. c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã xây dựng nội dung tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn. d) Đôn đốc, hướng dẫn UBND cấp xã, thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng theo phân cấp; đề nghị UBND cấp xã kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn khi tiếp nhận thông tin phản ánh của tổ chức và cá nhân, báo chí hoặc phát hiện trong quá trình giải quyết đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo. đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức, kiểm tra trách nhiệm trong công tác quản lý trật tự xây dựng đối với UBND cấp xã; tổ chức kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo chỉ đạo của UBND tỉnh. e) Thông báo cho UBND cấp xã về các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn để thực hiện kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền; đồng thời, đôn đốc việc xử lý các trường hợp vi phạm. g) Tổ chức kiểm tra đối với các công trình có dấu hiệu vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền kiểm tra, xử lý của UBND cấp xã, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh nhưng không tổ chức kiểm tra, xử lý sau khi Sở Xây dựng đã có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền. Đồng thời, kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng nhưng không được kiểm tra, xử lý theo quy định.		
--	--	--

12	Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - Điều 7: Điều 7. Trách nhiệm của UBND cấp huyện 1. Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định này. 2. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các quy định của Nhà nước về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn. 3. Khẩn trương lập và trình Sở Xây dựng thẩm định sau đó trình HĐND cấp huyện thông qua trước khi phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc diêm dân cư nông thôn trừ khu vực di tích quốc gia đặc biệt. 4. Triển khai thực hiện lập quy hoạch chi tiết xây dựng đối với khu vực có yêu cầu quản lý và đưa môc giới Quy hoạch ra ngoài thực địa; thiết kế đô thị hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo thẩm quyền để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn. 5. Báo cáo định kỳ 01 năm (trước ngày 18/12 của năm báo cáo) và đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định. Báo cáo có các nội dung chủ yếu về: Tình hình thực hiện; kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; phương hướng, nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị. Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - khoản 4 Điều 7: 4. UBND cấp xã a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác quản lý trật tự xây dựng và tình hình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý theo phân cấp; b) Chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng bằng nhiều hình thức nhằm nâng	Điều 12. Trách nhiệm của UBND cấp xã, phường 1. Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn hành chính quản lý theo phân cấp tại Điều 8 Quy định này và khoản 8 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ. 2. Tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật có liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về trật tự xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý. 3. Tiếp nhận, cập nhật các dữ liệu thông tin thông báo khởi công vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ. Trường hợp hệ thống chưa đáp ứng yêu cầu kết nối, cập nhật, cơ quan tiếp nhận thực hiện lưu trữ, quản lý thông tin bằng phương thức điện tử hoặc phương thức phù hợp, bảo đảm khả năng cập nhật, đồng bộ theo quy định. 4. Thường xuyên theo dõi kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm trật tự xây dựng. 5. Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn nhằm	Kế thừa: Kế thừa phần lớn trách nhiệm của UBND cấp xã tại khoản 4 Điều 7 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND: chịu trách nhiệm toàn diện, tuyên truyền, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý, cưỡng chế, thực hiện kết luận và báo cáo. Sửa đổi, bổ sung, phân cấp: Cập nhật theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, không tiếp tục giao nhiệm vụ cho UBND cấp huyện. Bổ sung trách nhiệm tiếp nhận, cập nhật thông báo khởi công vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; quy định phương án lưu trữ điện tử hoặc phương thức phù hợp khi hệ thống chưa kết nối. Chuẩn hóa chế độ báo cáo 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục: Tập trung đầu mối quản lý và tiếp nhận tại cấp xã; không yêu cầu chủ đầu tư gửi lại thông tin cho nhiều cơ quan. Trách nhiệm báo cáo là chế độ giữa các cơ quan nhà nước, không phát sinh nghĩa vụ báo cáo định kỳ mới đối với tổ chức, cá nhân. Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Thúc đẩy số hóa thông báo khởi công, cập nhật, đồng bộ cơ sở dữ liệu và lưu trữ điện tử. Quy định áp dụng thống nhất, không phân biệt giới, dân tộc; phương án dự phòng bảo đảm khả năng thực hiện tại địa bàn có điều kiện hạ tầng số khác nhau.
----	---	--	---

cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về trật tự xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý; c) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật; d) Tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn; đ) Giám sát việc ngừng thi công, áp dụng các biện pháp cần thiết buộc dừng thi công theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; e) Thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật; g) Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định trong trường hợp vượt thẩm quyền; chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật; h) Kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng, quyết định cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính của cấp thẩm quyền đối với công trình xây dựng trên địa bàn; i) Báo cáo Sở Xây dựng để kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã; k) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính trong	phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật. 6. Thực hiện quyết định xử lý vi phạm hành chính của cấp trên về trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật. 7. Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định trong trường hợp vượt thẩm quyền; chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật. 8. Kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng, quyết định cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính của cấp thẩm quyền đối với công trình xây dựng trên địa bàn. 9. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế trong hoạt động xây dựng trên địa bàn do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. 10. Kiến nghị UBND tỉnh ban hành biện pháp cần thiết, phù hợp thực tế nhằm quản lý trật tự xây dựng có hiệu quả; báo cáo Sở Xây dựng bằng	
--	--	--

	hoạt động xây dựng trên địa bàn do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành; l) Kiến nghị UBND tỉnh ban hành biện pháp cần thiết, phù hợp thực tế nhằm quản lý trật tự xây dựng có hiệu quả; báo cáo Sở Xây dựng bằng văn bản về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng; m) Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Xây dựng bằng văn bản về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.	văn bản về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng. 11. Định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn hành chính quản lý.	
13	Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - Điều 6: Điều 6. Trách nhiệm của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh 1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định này đối với các công trình xây dựng thuộc phạm vi khu công nghiệp. 2. Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định này. 3. Tổng hợp, báo cáo định kỳ 01 năm (trước ngày 18/12 của năm báo cáo) và đột xuất gửi Sở Xây dựng về tình hình cấp giấy phép xây dựng thuộc phạm vi khu công nghiệp. Báo cáo có các nội dung chủ yếu về: Tình hình thực hiện; kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; phương hướng, nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị. Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - khoản 2 Điều 7: 2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong quản lý nhà nước về xây dựng tại các khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý.	Điều 13. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên 1. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc xây dựng theo giấy phép xây dựng, quy hoạch và hồ sơ thiết kế đối với các công trình xây dựng trong các khu công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định. 2. Khi phát hiện công trình xây dựng vi phạm quy định về trật tự xây dựng phải kịp thời ngăn chặn, thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng có thẩm quyền để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. 3. Cung cấp các thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan của các hành vi vi phạm trật tự xây dựng đến cơ quan có thẩm quyền để cùng cố hồ sơ, đề xuất người có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.	Kế thừa: Kế thừa trách nhiệm hướng dẫn, báo cáo của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại Điều 6 Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND và trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, cung cấp hồ sơ, phối hợp xử lý tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, bổ sung: Làm rõ phạm vi gồm các khu công nghiệp và Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình; chuyển trọng tâm từ trực tiếp tiếp nhận thông báo khởi công, quản lý toàn bộ trật tự xây dựng sang theo dõi, kiểm tra trong phạm vi quản lý, ngăn chặn, thông báo và phối hợp cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng xử lý. Bổ sung trách nhiệm pháp lý khi không kịp thời phát hiện, ngăn chặn và trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp xã. Phân cấp, thủ tục hành chính: Phù hợp việc phân cấp đầu mối quản lý, tiếp nhận thông báo khởi công cho UBND cấp xã; không duy trì một đầu mối tiếp nhận song song tại Ban Quản lý, qua đó hạn chế gửi

	b) Tổ chức kiểm tra tất cả các dự án, công trình xây dựng trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm trật tự xây dựng tại các dự án, công trình xây dựng. Cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan của các hành vi vi phạm trật tự xây dựng đến cơ quan có thẩm quyền để phối hợp củng cố hồ sơ, đề xuất người có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định. c) Kịp thời tổ chức kiểm tra công trình xây dựng trong các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh có dấu hiệu vi phạm trật tự xây dựng và thông báo kết quả kiểm tra khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Xây dựng, UBND cấp xã. d) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng theo đề nghị của Sở Xây dựng, để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.	4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về việc đề xảy ra vi phạm trật tự xây dựng trong các khu công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình thuộc phạm vi quản lý mà không kịp thời phát hiện, ngăn chặn và phối hợp cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng xử lý theo quy định. 5. Phối hợp Sở Xây dựng và UBND cấp xã trong công tác quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng đối với công trình xây dựng trong các khu công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định của pháp luật. 6. Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp xã và cơ quan có liên quan trong kiểm tra, xử lý vi phạm. 7. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng theo đề nghị của Sở Xây dựng, để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. 8. Định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) về tình hình khởi công xây dựng và trật tự xây dựng các công trình trên địa bàn quản lý.	hồ sơ trùng lặp. Không phát sinh thủ tục mới. Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Việc cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu có thể thực hiện điện tử, hỗ trợ quản lý tại Khu công nghệ thông tin tập trung. Không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc.
--	--	---	---

14	Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - khoản 2 Điều 5: 2. Các Sở liên quan đến cấp phép xây dựng. a) Trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình khi cơ quan cấp phép xây dựng yêu cầu. b) Phối hợp với các đơn vị trong việc lập, thẩm định Quy chế quản lý kiến trúc. c) Sở Nội vụ: Trả lời bằng văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình về tín ngưỡng, tôn giáo khi có đề nghị. d) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: Có văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng, về quy mô, về yếu tố thẩm mỹ, văn hóa đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng; đối với trường hợp xây dựng mới công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh; đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng; đối với các công trình thuộc lĩnh vực, ngành quản lý. đ) Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với các cơ quan cấp giấy phép xây dựng trong công tác cấp giấy phép xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. e) Sở Công Thương: Phối hợp với các cơ quan cấp giấy phép xây dựng trong công tác cấp giấy phép xây dựng các công trình công nghiệp. g) Sở Giao thông vận tải: Phối hợp với các cơ quan cấp giấy phép xây dựng trong công tác cấp giấy phép xây dựng các công trình giao thông. h) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với các cơ quan cấp giấy phép xây dựng trong công tác cấp giấy phép xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và cơ quan chuyên ngành 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin và xử lý nội dung liên quan đến đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, thủy lợi, đề điều và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. 2. Sở Công Thương phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin và xử lý nội dung liên quan đến công trình công nghiệp, năng lượng, cụm công nghiệp, an toàn công nghiệp và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. 3. Các sở, ban, ngành khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp kiểm tra, xử lý vụ việc có liên quan khi cơ quan chủ trì đề nghị. 4. Việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước không làm phát sinh thêm thành phần hồ sơ, thủ tục hoặc nghĩa vụ báo cáo của chủ đầu tư, nhà thầu ngoài quy định của pháp luật.	Kế thừa: Kế thừa cơ chế phối hợp theo chức năng chuyên ngành tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND và điểm a khoản 3 Điều 7 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, đơn giản hóa: Rút gọn các quy định liệt kê văn bản chấp thuận, trả lời riêng lẻ trước đây thành trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin và xử lý nội dung chuyên ngành khi cơ quan chủ trì đề nghị. Phân định rõ nhóm lĩnh vực của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương và trách nhiệm chung của các sở, ban, ngành khác. Thủ tục hành chính: Khoản 4 khẳng định việc phối hợp giữa cơ quan nhà nước không được làm phát sinh thành phần hồ sơ, thủ tục hoặc nghĩa vụ báo cáo của chủ đầu tư, nhà thầu ngoài quy định của pháp luật; đây là nội dung cắt giảm nguy cơ phát sinh “giấy phép con” và yêu cầu hồ sơ nội bộ. Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Khuyến khích trao đổi, chia sẻ thông tin liên ngành bằng phương thức điện tử, tái sử dụng dữ liệu đã có. Không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc.
----	--	---	--

	Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - điểm a khoản 3 Điều 7: 3. Các cơ quan, đơn vị liên quan a) Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Sở, Ban, ngành liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp Sở Xây dựng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã trong việc kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình không đúng mục đích sử dụng đất; vi phạm hành lang an toàn giao thông; năng lượng; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; khu bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa; an toàn nguồn nước và các hành vi vi phạm khác có liên quan thuộc thẩm quyền quản lý.		
15	Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - điểm b khoản 3 Điều 7: b) Công an tỉnh chỉ đạo Công an cấp xã tổ chức công tác bảo đảm an ninh trật tự trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng của Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc các quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền khác khi có yêu cầu; phối hợp, giải quyết những kiến nghị do Sở Xây dựng, UBND cấp xã chuyển đến và trả lời bằng văn bản về việc xử lý kiến nghị theo quy định.	Điều 15. Trách nhiệm của Công an tỉnh, Công an cấp xã 1. Công an tỉnh chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình kiểm tra, ngăn chặn, xử lý vi phạm, tổ chức cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. 2. Công an cấp xã phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự theo kế hoạch kiểm tra, kế hoạch cưỡng chế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xử lý hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ, gây rối trật tự công cộng và hành vi vi phạm pháp luật khác theo thẩm quyền. 3. Phối hợp bảo vệ hiện trường khi công trình xây dựng có sự cố, tai nạn, nguy cơ mất an toàn hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật cần xử lý theo quy định.	Kế thừa: Kế thừa trách nhiệm của Công an tỉnh và Công an cấp xã trong bảo đảm an ninh, trật tự khi thi hành quyết định xử phạt, cưỡng chế tại điểm b khoản 3 Điều 7 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, bổ sung: Quy định rõ Công an tỉnh thực hiện vai trò chỉ đạo; Công an cấp xã phối hợp theo kế hoạch kiểm tra, kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt và xử lý hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ theo thẩm quyền. Bổ sung trách nhiệm phối hợp bảo vệ hiện trường khi xảy ra sự cố, tai nạn, nguy cơ mất an toàn hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Phân công, thủ tục hành chính: Đây là phân công trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan nhà nước, không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc hồ sơ mới đối với tổ chức, cá nhân.

			Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Không phát sinh nội dung riêng; việc phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự áp dụng thống nhất đối với mọi vụ việc.
16	<i>Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - khoản 5, khoản 6 Điều 7:</i> 5. Chủ đầu tư a) Trước khi khởi công xây dựng công trình cần đảm bảo điều kiện về khởi công theo quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. b) Cung cấp hồ sơ giấy phép xây dựng và tài liệu liên quan cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, quản lý trật tự xây dựng khi có yêu cầu theo quy định. c) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác có liên quan đến công trình xây dựng do mình làm chủ đầu tư. d) Dừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, chấp hành các yêu cầu trong biên bản vi phạm hành chính hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chấp hành các quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền; chịu toàn bộ chi phí tổ chức cưỡng chế trong trường hợp bị cưỡng chế thi hành. 6. Nhà thầu thi công a) Dừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng khi đã bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc khi có thông báo, quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;	Điều 16. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu và các nhà thầu 1. Chủ đầu tư có trách nhiệm: a) Bảo đảm điều kiện khởi công theo quy định; b) Thực hiện nghĩa vụ thông báo khởi công và cung cấp hồ sơ kèm theo đối với trường hợp pháp luật quy định; c) Tổ chức thi công đúng giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng, quy hoạch và quy định pháp luật có liên quan; d) Công khai giấy phép xây dựng theo quy định; đ) Chấp hành yêu cầu, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong kiểm tra và xử lý vi phạm. 2. Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm thi công đúng thiết kế, giấy phép xây dựng và quy định pháp luật; thực hiện yêu cầu dừng thi công của cơ quan, người có thẩm quyền. 3. Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện trách nhiệm giám sát thi công theo quy định; kịp thời yêu cầu khắc phục và báo cáo chủ đầu tư khi phát hiện việc thi công không phù hợp với thiết	Kế thừa: Kế thừa trách nhiệm bảo đảm điều kiện khởi công, cung cấp hồ sơ, chấp hành pháp luật, dừng thi công và thực hiện quyết định xử lý của chủ đầu tư, nhà thầu thi công tại khoản 5, khoản 6 Điều 7 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, bổ sung: Cập nhật căn cứ theo Luật Xây dựng năm 2025; bổ sung chủ sở hữu, nhà thầu tư vấn giám sát; làm rõ nghĩa vụ thông báo khởi công, công khai giấy phép, thi công đúng giấy phép, thiết kế, quy hoạch và trách nhiệm giám sát, yêu cầu khắc phục khi phát hiện sai lệch hoặc nguy cơ mất an toàn. Thủ tục hành chính: Không đặt thêm nghĩa vụ hồ sơ ngoài pháp luật; chỉ yêu cầu cung cấp tài liệu thuộc phạm vi trách nhiệm khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý. Không thiết lập chế độ báo cáo định kỳ đối với chủ đầu tư, nhà thầu. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Có thể thực hiện công khai, cung cấp hồ sơ bằng phương thức điện tử theo quy định chung. Không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc.

	b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác có liên quan đến công trình xây dựng.	kế, giấy phép hoặc có nguy cơ mất an toàn. 4. Các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều này có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi trách nhiệm của mình khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.	
17	Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - các quy định về báo cáo: Điểm d khoản 1 Điều 5: d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ 01 năm (trước ngày 21/12 của năm báo cáo) và đột xuất với UBND tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh. Báo cáo có các nội dung chủ yếu về: Tình hình thực hiện; kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; phương hướng, nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị. Khoản 3 Điều 6: 3. Tổng hợp, báo cáo định kỳ 01 năm (trước ngày 18/12 của năm báo cáo) và đột xuất gửi Sở Xây dựng về tình hình cấp giấy phép xây dựng thuộc phạm vi khu công nghiệp. Báo cáo có các nội dung chủ yếu về: Tình hình thực hiện; kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; phương hướng, nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị. Khoản 5 Điều 7: 5. Báo cáo định kỳ 01 năm (trước ngày 18/12 của năm báo cáo) và đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định. Báo cáo có các nội dung chủ yếu về: Tình hình thực hiện; kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và	Điều 17. Thông tin, báo cáo 1. Sở Xây dựng tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này, báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo chế độ báo cáo hoặc khi có yêu cầu. 2. UBND cấp xã, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan có liên quan cung cấp thông tin phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 3. Quy định tại Điều này là chế độ thông tin, báo cáo giữa các cơ quan nhà nước, không làm phát sinh nghĩa vụ báo cáo định kỳ của chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.	Kế thừa: Kế thừa chế độ tổng hợp, báo cáo của Sở Xây dựng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chính quyền địa phương tại Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND, Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, đơn giản hóa: Không tiếp tục quy định cứng ngày báo cáo và nội dung biểu mẫu trong văn bản này; chuyển sang thực hiện theo chế độ báo cáo hiện hành hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Hợp nhất chế độ báo cáo về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, thông báo khởi công và quản lý trật tự xây dựng. Cắt giảm thủ tục: Khẳng định đây là chế độ thông tin, báo cáo giữa các cơ quan nhà nước và không làm phát sinh nghĩa vụ báo cáo định kỳ của chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức, cá nhân ngoài quy định pháp luật. Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Tạo cơ sở khai thác, chia sẻ dữ liệu điện tử, giảm báo cáo thủ công và tái sử dụng thông tin đã cập nhật. Không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc.

nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; phương hướng, nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị. <i>Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - điểm m khoản 4 Điều 7:</i> m) Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Xây dựng bằng văn bản về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn. <i>Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND - khoản 2 Điều 5:</i> 2. Quy định chuyển tiếp: - Đối với hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV thuộc dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp của tỉnh tại UBND cấp huyện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép xây dựng thì việc cấp giấy phép xây dựng được tiếp tục thực hiện tại UBND cấp huyện. Đối với hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng được nộp kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định tại Quyết định này. - Các dự án, công trình chủ đầu tư đã gửi thông báo khởi công xây dựng công trình hoặc hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đến cơ quan chuyên môn nào về xây dựng để được kiểm tra theo nội dung phân cấp quy định tại Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND thì cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định. <i>Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - Điều 8:</i> Điều 8. Quy định chuyển tiếp Các công trình đã và đang thực hiện cấp giấy phép xây dựng trước thời điểm quyết định này được ban hành thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật về cấp		
---	--	--

	giấy phép xây dựng có hiệu lực tại thời điểm cấp giấy phép xây dựng. Khi quyết định này được ban hành và có hiệu lực thì việc cấp giấy phép xây dựng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và theo quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh, kiến nghị về Sở Xây dựng để được hướng dẫn và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.		
18	<u>Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND - khoản 2 Điều 5:</u> 2. Quy định chuyển tiếp: - Đối với hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng công trình cấp III, cấp IV thuộc dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp của tỉnh tại UBND cấp huyện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép xây dựng thì việc cấp giấy phép xây dựng được tiếp tục thực hiện tại UBND cấp huyện. Đối với hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng được nộp kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định tại Quyết định này. - Các dự án, công trình chủ đầu tư đã gửi thông báo khởi công xây dựng công trình hoặc hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đến cơ quan chuyên môn nào về xây dựng để được kiểm tra theo nội dung phân cấp quy định tại Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND thì cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định. <u>Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND - Điều 8:</u> Điều 8. Quy định chuyển tiếp Các công trình đã và đang thực hiện cấp giấy phép xây dựng trước thời điểm quyết định này được ban hành thì	Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp 1. Giấy phép xây dựng có thời hạn đã được cấp trước ngày Quy định này có hiệu lực tiếp tục có giá trị theo nội dung và thời hạn ghi trong giấy phép. 2. Thông báo khởi công và hồ sơ kèm theo đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục được quản lý, theo dõi; không yêu cầu chủ đầu tư gửi lại nếu không thuộc trường hợp pháp luật yêu cầu thay đổi, bổ sung. 3. Vụ việc vi phạm trật tự xây dựng đã được phát hiện, lập hồ sơ trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục được xử lý theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định pháp luật có liên quan. 4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Kế thừa: Kế thừa nguyên tắc chuyển tiếp đối với hồ sơ, giấy phép đang thực hiện tại Điều 8 Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND và khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND. Sửa đổi, bổ sung: Quy định đầy đủ 03 nhóm chuyển tiếp phù hợp phạm vi văn bản mới: giấy phép xây dựng có thời hạn đã cấp; thông báo khởi công và hồ sơ kèm theo đã được tiếp nhận; vụ việc vi phạm trật tự xây dựng đã được phát hiện, lập hồ sơ. Bổ sung nguyên tắc áp dụng văn bản dẫn chiếu khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục: Bảo đảm không yêu cầu chủ đầu tư gửi lại thông báo khởi công, hồ sơ đã được tiếp nhận nếu pháp luật không yêu cầu thay đổi, bổ sung; bảo vệ tính liên tục và giá trị pháp lý của giấy phép đã cấp, tránh phát sinh chi phí tuân thủ do chuyển giao cơ quan hoặc thay đổi văn bản. Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Cho phép tiếp tục quản lý, theo dõi dữ liệu đã tiếp nhận, tạo thuận lợi cho chuyển đổi dữ liệu giữa hệ

	thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật về cấp giấy phép xây dựng có hiệu lực tại thời điểm cấp giấy phép xây dựng. Khi quyết định này được ban hành và có hiệu lực thì việc cấp giấy phép xây dựng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và theo quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh, kiến nghị về Sở Xây dựng để được hướng dẫn và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.		thống cũ và mới. Không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc.
19	<u>Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND - Điều 2 và Điều 4:</u> Điều 2. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh. Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. <u>Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND - Điều 6:</u> Điều 6. Tổ chức thực hiện 1. Giao Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên và các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. 2. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.	Điều 19. Tổ chức thực hiện 1. Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này. 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này. 3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền.	Kế thừa: Kế thừa trách nhiệm Sở Xây dựng hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra; trách nhiệm tổ chức thực hiện và cơ chế phản ánh khó khăn, vướng mắc tại Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND, Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND và Điều 8 Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND. Sửa đổi, thay thế: Cập nhật chủ thể tổ chức thực hiện theo cơ cấu chính quyền địa phương 02 cấp; xác định Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm. Quyết định mới đồng thời thay thế, bãi bỏ các nội dung tương ứng của 05 Quyết định nêu tại phần đầu Bản so sánh, bảo đảm một văn bản thống nhất trên toàn tỉnh. Phân cấp, thủ tục hành chính: Sở Xây dựng là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp vướng mắc và báo cáo UBND tỉnh; không hình thành thêm đầu mối, thủ tục hoặc chế độ xin ý kiến bắt buộc đối với tổ chức, cá nhân.

<i>Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND - Điều 8:</i> Điều 8. Điều khoản thi hành 1. Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định mới ban hành. 3. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.		Khoa học, công nghệ; bình đẳng giới; chính sách dân tộc: Khuyến khích tiếp nhận, tổng hợp phản ánh và báo cáo bằng phương thức điện tử theo quy định chung. Không phát sinh chính sách riêng về giới hoặc dân tộc.
--	--	--